

Số:

Bình Sơn, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Tự Tân.**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN TỰ TÂN

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn về việc Ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 trên địa bàn huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-THCS ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Tự Tân về việc Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Tự Tân;

Căn cứ Báo cáo số 03/BC-THCS ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Trường THCS Nguyễn Tự Tân về việc Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025.

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính – Kế toán trường THCS Nguyễn Tự Tân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Tự Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, Bộ phận Tài chính – Kế toán và các tổ, khối liên quan thực hiện quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP;

HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Huy

Số:

Bình Sơn, ngày tháng năm

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2025

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn về việc Ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 trên địa bàn huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-THCS ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Tự Tân về việc Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Tự Tân.

Trường THCS Nguyễn Tự Tân xin báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 tại đơn vị như sau:

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CỦA NHÀ TRƯỜNG:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Hàng tháng, tổ chức quán triệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cuộc họp hội đồng.

- Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình, hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng cá nhân trong toàn trường.

- Các văn bản, chỉ thị, nghị quyết về tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường thông qua hội nghị CBVC đầu năm, các cuộc họp hội đồng,và tuyên truyền rộng rãi cho các em học sinh trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt chung.

Qua những hoạt động trên, nhìn chung toàn thể công chức, viên chức và học sinh của trường đã nắm bắt được các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các cơ quan ban ngành, đoàn thể trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đồng thời nâng cao ý thức đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, gây thất thoát lãng phí trong đơn vị. Các biện pháp chỉ đạo điều hành nêu trên vẫn triển khai thực hiện qua các năm, hiện vẫn phát huy tác dụng và đạt kết quả tích cực.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Nhằm triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong năm qua trường đã rà soát, bổ sung và ban hành một số văn bản. *Cụ thể:*

- Bổ sung một số nội dung trong Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;
- Quy định về khoán chi văn phòng phẩm cho các đơn vị;
- Quy định về tiết kiệm điện, nước;
- Quy định về chế độ đi công tác, chế độ hội, họp.
- Quy định sử dụng tài sản công.
- Xem xét lại quy định về thanh toán, tạm ứng;
- Quy định về chế độ mua sắm tài sản và quản lý tài sản;
- Quy định về khoán cước điện thoại cố định và di động;

Những quy định trên đã được cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thống nhất. Qua tổ chức thực hiện kết quả cho thấy vừa mang lại hiệu quả trong công tác đồng thời tiết kiệm được một phần đáng kể chi phí hoạt động của nhà trường. Những quy định và giải pháp thực hiện trong thời gian qua tiếp tục phát huy tác dụng trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí những năm tiếp theo.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua các hình thức như: học tập, nghiên cứu, phổ biến quán triệt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua các cuộc họp Chi bộ, Đảng bộ, họp hội đồng và các hội nghị chuyên đề, các đợt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Qua đó tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong sạch, vững mạnh.

3. Công tác thanh, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nhà trường đã kiện toàn về tổ chức và xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch công tác của phòng Thanh tra Pháp chế, Thanh tra nhân dân. Trong năm học các bộ phận này đã hoạt động tốt, tổ chức kiểm tra giám sát hầu hết các hoạt động của trường.

- Tăng cường thường xuyên kiểm tra việc sử dụng điện, nước tại khu văn phòng làm việc và các lớp đang giảng dạy.

- Chuyên môn và các khối tổ trưởng có trách nhiệm kiểm tra về chuyên môn như theo dõi lịch dạy, giờ ra vào lớp của giáo viên, phân công cán bộ giám sát các kỳ thi tại trường.

- Bộ phận kế toán có trách nhiệm tăng cường công tác quản lý chi tiêu tài chính, sử dụng tài sản công đảm bảo đúng mục đích, chống lãng phí các khoản chi hành chính không cần thiết, cắt giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm,...theo Nghị quyết 01/ND-CP của Chính phủ.

- Trong thời gian vừa qua chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm gây thất thoát, lãng phí trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2025:

1. Qua thực tế quản lý và thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí, việc sử dụng cơ sở vật chất và các dịch vụ công cộng của nhà trường trong năm 2025, kết quả đạt được theo ***bảng kê đính kèm báo cáo***

2. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực:

a. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mỗi tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong cơ quan và mọi thành viên trong đơn vị: việc quản lý trong đơn vị, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức;

- Thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch theo đúng hướng dẫn và qui trình thực hiện qui chế dân chủ trong cơ quan, trường học; qui chế chi tiêu nội bộ; Quy định về thi đua khen thưởng;

- Xây dựng các qui định, qui trình công khai các thủ tục hành chính, chế độ và trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức trong quản lý và thực thi công việc theo hướng nâng cao tính công khai, minh bạch và phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực;

b. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong một số trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm

- Thực hiện công khai, minh bạch dự toán và quyết toán ngân sách, các khoản thu góp của học sinh; các khoản ủng hộ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cha mẹ học sinh;

- Công khai việc thực hiện các chế độ, định mức tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức;

- Đẩy mạnh việc xây dựng, công bố công khai các qui tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức, viên chức; tăng cường giám sát việc thực hiện theo qui định của pháp luật;

- Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu về một số biện pháp để quản lý tài chính chặt chẽ, thực hiện tốt công tác khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính, chuyên môn.

c. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Công bố công khai đầu tư xây dựng cơ bản theo quy trình, quy chế quản lý đầu tư, từ khâu lập dự án, phê duyệt, các thủ tục đấu thầu; công khai, bình đẳng, minh bạch trong lựa chọn nhà thầu theo quy định về đấu thầu, chỉ định thầu của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và sửa chữa cơ sở vật chất trường học, mua sắm tài sản, đồ dùng, thiết bị dạy học.

- Thành lập tổ Quản lý, giám sát, tổ chức nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng cơ bản và sửa chữa cơ sở vật chất trường học, mua sắm tài sản, đồ dùng, thiết bị dạy học theo đúng thiết kế, đúng quy định đã được phê duyệt.

- Minh bạch trong việc mua sắm tài sản, đồ dùng, thiết bị dạy học; tuân thủ quy định của Nhà nước về thanh, quyết toán kinh phí.

- Quản lý, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc, sân chơi, bãi tập...

- Nhà trường thực hành tiết kiệm triệt để và tận dụng tối đa tài sản hiện có nên nhà trường chỉ mua một số trang thiết bị thực sự cần thiết phục vụ cho công tác giảng dạy. Tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản của cơ quan và thanh lý các tài sản hư hỏng, không cần dùng. Mở sổ theo dõi cụ thể việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước đối với từng công chức, viên chức và người lao động, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản. Việc thay thế, sửa chữa các thiết bị làm việc, Nhà trường đều thành lập Hội đồng để xác định rõ nguyên nhân hư hỏng, xác định rõ trách nhiệm của từng công chức và người lao động trong việc quản lý, sử dụng tài sản cơ quan, nếu tự gây hư hỏng sẽ phải bồi

- Thực hiện theo quy định của nhà nước về tiết kiệm điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm ... phục vụ công tác.

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí sử dụng điện, tắt hẳn nguồn điện tất cả các thiết bị sử dụng điện không sử dụng khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc; tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên; tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người làm việc trong phòng giảm; dự trữ, mua sắm văn phòng phẩm đúng quy định, thực hiện tiết kiệm giấy trong quá trình soạn thảo văn bản, phát hành văn bản tại cơ quan ...

d. Về thực hiện các quy định công khai trong các lĩnh vực khác:

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và cấp trên về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhà trường đã thực hiện nghiêm các yêu cầu về quản lý và sử dụng nguồn tài chính công, chi trả tiền lương, tiền công, mua sắm trang thiết bị văn phòng, công tác phí, sử dụng điện thoại... của cơ quan đảm bảo thực hiện đúng như định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bảo đảm công khai minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức trong cơ quan.

- Các quy định về chế độ chi tiêu hội nghị, tập huấn, chi công tác phí, văn phòng phẩm ... đều được quy định cụ thể trong Quy chế của cơ quan và đã được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của chế độ thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

3. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Nhà trường không có vụ việc tham nhũng lãng phí xảy ra.

4. Phân tích và đánh giá:

a) Đánh giá kết quả đạt được:

- Nhà trường đã thực hiện tốt chương trình tiết kiệm chống lãng phí, năm 2025 công tác quản lý các khoản mục chi phí của đơn vị có tăng, có giảm so với kế hoạch đề ra. Nhìn chung cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, chính trị của đơn vị; Ban giám hiệu và người lao động của trường ngày càng có ý thức, trách nhiệm hơn trong các hoạt động của mình để từng bước kiểm soát được việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

- Hiệu trưởng nhà trường tổ chức tuyên truyền, quán triệt, tăng cường kiểm tra về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nhà trường đã cụ thể hóa Kế hoạch phòng chống tham nhũng của ngành thành Kế hoạch của nhà trường đồng thời tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao trong đơn vị;

- Thông qua Kế hoạch thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng nhà trường đã tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trường học trong mọi lĩnh vực đặc biệt chú trọng công tác thanh kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; Thanh kiểm tra tài chính cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động dạy và học; Đã xây dựng được các biện pháp khắc phục tồn tại.

- Thực hiện tốt công tác công khai, dân chủ, minh bạch trong quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác định kỳ báo cáo kết quả về UBND xã Bình Sơn (qua phòng Kinh tế).

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

c) Những kinh nghiệm rút ra:

- Thực hiện công khai minh bạch hơn nữa đối với việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản và phân bổ sử dụng nguồn lao động một cách công khai, phù hợp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực của bộ phận, từng ban, từng tổ chức đoàn thể trong đơn vị, gắn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác phòng, chống tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026.

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

- Rà soát, sắp xếp lại vị trí việc làm theo quyết định giao số lượng người làm việc đảm bảo đúng người, đúng việc nhằm phát huy khả năng làm việc và cống hiến của mỗi công chức, viên chức trong nhà trường, đảm bảo sử dụng biên chế được giao có hiệu quả.

- Sắp xếp công việc phù hợp, khoa học, để đạt được hiệu quả làm việc ở mức cao.

- Những nội dung không cần phải triệu tập hội, họp có thể triển khai bằng văn bản thì hướng dẫn, chỉ đạo bằng văn bản để các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, thực hiện bằng văn bản, giảm thiểu thời gian tổ chức các hội, họp.

- Chi dự toán ngân sách năm 2026 và những năm tiếp theo chi đúng, đủ theo nhu cầu chi trong năm cho các nội dung: Chi hoạt động thường xuyên, chi mua sắm, chi sửa chữa nhỏ...

- Sử dụng, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Đi đôi với việc sử dụng phải có kế hoạch kiểm tra khắc phục những biểu hiện xuống cấp của các công trình nhà lớp học, các trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học trong nhà trường.

- Nâng cao ý thức bảo vệ của công trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Sử dụng điện tiết kiệm và an toàn. Hạn chế tối đa việc sử dụng các thiết bị điện khi không cần thiết, tạo thói quen cho mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và học sinh có ý thức tiết kiệm điện.

- Sử dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, hạn chế sử dụng ánh đèn điện, quạt mát, trang trí.

- Tiếp tục thực hiện khoán văn phòng phẩm cho giáo viên để có trách nhiệm trong việc quản lý và tiết kiệm sử dụng.

- Thực hiện việc gửi, nhận công văn qua email, hạn chế việc in, photo các tài liệu không cần thiết. Đặc biệt việc in, photo các văn bản ra hai mặt giấy tránh lãng phí, không được sử dụng văn phòng phẩm, in ấn cho việc của cá nhân.

- Không sử dụng máy tính, máy phô tô vào công việc không đúng mục đích (chơi trò chơi điện tử,...), không tùy tiện cho người ngoài sử dụng các thiết bị văn phòng khi không được sự đồng ý của lãnh đạo.

- Tổ chức mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy khi thật cần thiết. Không được sử dụng tài sản công phục vụ cho mục đích cá nhân dưới mọi hình thức.

- Sử dụng tài chính đúng theo Luật kế toán. Hàng tháng, quý phải công khai tài chính của đơn vị, công khai việc mua sắm. Chấp hành tốt các quy định của luật kế toán, luật thống kê, luật ngân sách nhà nước, thực hiện việc quyết toán ngân sách theo đúng quy định.

- Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định.

- Xây dựng các mục tiêu tiết kiệm cụ thể để tập thể và cá nhân phấn đấu thực hiện trong năm.

2. Các giải pháp

- Tuyên truyền, quán triệt các văn bản có liên quan đến việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tới cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường.

- Thực hiện chi đúng, chi đủ các chế độ tiền lương và các chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên và học sinh trong nhà trường.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch của các tập thể và cá nhân trong đơn vị.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các công trình xây dựng như nhà lớp học và các trang thiết bị dạy học, hệ thống điện, nước để việc khai thác một cách hiệu quả và an toàn tiết kiệm.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành: Không có.
2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THTK, CLP: Không có.
3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP: Không có.
4. Các kiến nghị khác (nếu có): Không có.

Trên đây là toàn bộ báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của đơn vị trường THCS Nguyễn Tự Tân.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh tế xã Bình Sơn;
- Lưu VP;

HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Huy

PHỤ LỤC SỐ 01-B

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	84
A.	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)	70	64
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	49
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	5
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	5
4	Chi xăng, dầu	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	5
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	4
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	5
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7
II	Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	15	15
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	0

2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	5	5
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	0
B.	Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
C.	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên		
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	

PHỤ LỤC 02
KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2025 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với năm kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc bàn hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản	2	2	2	1,000	1,000	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	Triệu đồng						
II	Trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)		72,378	70,000	55,041			
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		42,300	37,500	38,750	1	1	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (10% tiết kiệm đầu năm)	Triệu đồng	42,300	37,500	37,500	0,887	1,000	
1.3	Số tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên (theo văn bản chỉ đạo UBND xã)	Triệu đồng			1,250			
1.4	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng						
1.5	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		30,078	32,500	16,291	0,542	0,501	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính		30,078	32,500	16,291	0,542	0,501	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	4,500	5,000	1,300	0,289	0,260	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	3,600	4,000	1,800	0,500	0,450	
	Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	3,278	4,500	1,791		0,398	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Triệu đồng		-				
	Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	3,000	3,000	0,500	0,167	0,167	
	Tiết kiệm công tác phí	Triệu đồng	11,800	12,000	7,900	0,669	0,658	

	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	Triệu đồng	3,900	4,000	3,000	0,769	0,750
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	Triệu đồng					
	Tiết kiệm sách báo tạp chí	Triệu đồng					
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc, tiết kiệm theo biên chế được giao	Triệu đồng					
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại	Triệu đồng					
b	Kinh phí tiết kiệm được						
-	Thẩm định, phê duyệt dự toán	Triệu đồng					
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng					
-	Thương thảo hợp đồng	Triệu đồng					
-	Các nội dung khác						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng					
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng					
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng					
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị					
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị					
3.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng					
4	Các nội dung khác						
III	Trong mua sắm, sử dụng hương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)						
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc					
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc					
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc					
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc					
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng					
2	Tài sản khác						
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản					
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản					
3	Các nội dung khác						
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng						
1	Trong đầu tư xây dựng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án					
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng					
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán, Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	triệu đồng					

	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	5.181,800	5.181,800	5.181,800	1,000	1,000	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0,000	0,000	0,000			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng trụ sở	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							

VI	Trong tổ chức, bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						

	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa	Lượt						
2	Các vụ gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	0,000	0,000	0,000			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	0,000	0,000	0,000			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	0,000	0,000	0,000			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	0,000	0,000	0,000			